

**Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 -
Công ty TNHH Một Thành Viên”)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 1800590430 ngày 13 tháng 4 năm 2005
1800590430 (thay đổi lần thứ 10) ngày 1 tháng 7 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800590430 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Phú Thái Ông Trương Hoàng Vũ Ông Nguyễn Đình Hải	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021)
Hội đồng Thành viên	Ông Trần Phú Thái Ông Trương Hoàng Vũ Ông Nguyễn Đình Hải Ông Vũ Huy Toàn Ông Nguyễn Đình Phước	Chủ tịch (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021)
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Tùng Ông Nguyễn Hoàng Đông Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021) Thành viên (từ ngày 11 tháng 5 năm 2021)
Kiểm soát viên	Ông Nguyễn Văn Tùng Ông Nguyễn Hoàng Đông Ông Nguyễn Tuấn Anh	Kiểm soát viên chuyên trách (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Kiểm soát viên kiêm nhiệm (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021) Kiểm soát viên kiêm nhiệm (đến ngày 10 tháng 5 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trương Hoàng Vũ Ông Trần Văn Dư Ông Nguyễn Duy Lăng Ông Lê Quốc Vũ	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	1 Lê Hồng Phong Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2021





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 7 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh sau trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trong đó có mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) của Chính Phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 10 đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

1001
CÔ
CH NH
KI
/ LI

- Thuyết minh 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trong đó có mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2019) và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 (“Nghị định 126”) của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 140”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126 và Công văn số 4022/BTC-TCĐN ngày 19 tháng 4 năm 2021 (“Công văn 4022”) của Bộ Tài chính về hạch toán chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động ngay trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định. Hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Thuyết minh 3(c)(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trong đó có mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định 126. Theo hướng dẫn của Nghị định 126, số dư các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa. Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 126 đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(c)(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ các vấn đề nêu trên.



Các vấn đề khác

Chúng tôi thực hiện cuộc soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày từ trang 7 đến trang 62. Thông tin bổ sung tại trang 63 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về thông tin bổ sung này.

Chúng tôi lưu ý rằng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và các thông tin thuyết minh liên quan không được soát xét bởi chúng tôi và do đó chúng tôi không đưa ra kết luận đối với những thông tin này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00330-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2021



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.700.091.605.698	4.153.933.373.552
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	581.089.383.325	574.185.054.656
Tiền	111		160.679.893.033	98.756.058.193
Các khoản tương đương tiền	112		420.409.490.292	475.428.996.463
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.131.382.894.059	1.340.641.499.463
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.050.970.435.322	1.097.069.160.077
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.731.240.590	8.023.658.948
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(b)	123.666.866.953	123.666.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	946.014.351.194	119.610.013.539
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(7.728.200.054)
Hàng tồn kho	140	11(a)	1.125.359.319.358	1.115.793.706.207
Hàng tồn kho	141		1.125.359.319.358	1.115.793.706.207
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.260.008.956	18.313.113.226
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.378.564.014	843.274.194
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.005.753.676	13.581.258.701
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	3.875.691.266	3.888.580.331

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		23.026.860.205.660	23.920.800.841.124
Các khoản phải thu dài hạn	210		27.140.000.000	27.130.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		27.140.000.000	27.130.000.000
Tài sản cố định	220		15.491.366.861.206	16.424.074.701.675
Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.365.514.540.503	16.297.717.238.770
Nguyên giá	222		31.850.313.019.990	31.848.171.197.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.484.798.479.487)	(15.550.453.958.779)
Tài sản cố định vô hình	227	13	125.852.320.703	126.357.462.905
Nguyên giá	228		131.665.845.287	131.665.845.287
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.813.524.584)	(5.308.382.382)
Tài sản dở dang dài hạn	240		288.073.744.982	249.117.715.179
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	288.073.744.982	249.117.715.179
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	6.910.068.109.436	6.910.068.109.436
Đầu tư vào các công ty con	251		6.910.068.109.436	6.910.068.109.436
Tài sản dài hạn khác	260		310.211.490.036	310.410.314.834
Chi phí trả trước dài hạn	261		765.278.407	689.658.651
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	309.446.211.629	309.720.656.183
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.726.951.811.358	28.074.734.214.676

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.307.209.693.131	16.515.349.426.830
Nợ ngắn hạn	310		3.990.460.571.144	2.876.303.688.743
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	166.525.373.144	236.672.536.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.970.972	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	53.000.080.900	96.219.291.866
Phải trả người lao động	314		185.288.599.449	102.998.585.034
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	96.059.784.918	120.560.749.981
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		270.958.565	340.599.162
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.694.482.111.897	396.107.957.045
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.706.641.514.892	1.836.104.282.469
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	88.100.176.407	87.299.686.508
Nợ dài hạn	330		12.316.749.121.987	13.639.045.738.087
Phải trả dài hạn khác	337		295.949.981	362.565.000
Vay dài hạn	338	20(b)	12.316.453.172.006	13.638.683.173.087
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		13.419.742.118.227	11.559.384.787.846
Vốn chủ sở hữu	410	22	13.419.742.118.227	11.559.384.787.846
Vốn góp	411	23	11.866.443.676.275	11.866.443.676.275
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	24	626.069.893.010	(613.290.809.304)
Quỹ đầu tư phát triển	418		927.228.548.942	306.231.920.875
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		29.726.951.811.358	28.074.734.214.676

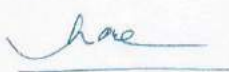
Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.681.142.512.927	2.472.330.202.968
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.203.083.494.779	2.608.607.702.810
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 - 11)	20		478.059.018.148	(136.277.499.842)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.494.037.680.456	38.413.825.664
Chi phí tài chính	22	29	728.628.788.757	182.904.837.308
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		115.294.392.716	174.347.831.344
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	168.457.715.884	72.810.145.032
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		2.075.010.193.963	(353.578.656.518)
Thu nhập khác	31	31	3.435.720.928	607.859.862.488
Chi phí khác	32		8.423.353.527	3.263.321.089
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.987.632.599)	604.596.541.399
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.070.022.561.364	251.017.884.881
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	33.801.140	38.000.013
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.069.988.760.224	250.979.884.868

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.070.022.561.364	251.017.884.881
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	940.498.618.382	936.150.877.951
Các khoản dự phòng	03	(7.728.200.054)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	613.290.809.304	7.018.418.979
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.463.657.270.100)	(631.396.913.881)
Chi phí lãi vay	06	115.294.392.716	174.347.831.344
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.267.720.911.612	737.138.099.274
Biến động các khoản phải thu	09	127.908.754.855	1.619.164.055.873
Biến động hàng tồn kho	10	(9.291.168.597)	(672.271.484.416)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(66.482.320.498)	(281.108.655.776)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.610.909.576)	85.574.055
		1.315.245.267.796	1.403.007.589.010
Tiền lãi vay đã trả	14	(86.266.012.106)	(189.536.451.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.199.331)	(6.426.705)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.207.549.876)	(36.965.952.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.200.735.506.483	1.176.498.758.822

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(52.016.108.231)	(91.088.836.305)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	31.174.840	-
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.735.000.000.000)	(310.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	1.553.269.650.888	728.012.430.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(233.715.282.503)	326.923.594.116
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	21.759.400.388	17.231.604.752
Tiền trả nợ gốc vay	34	(782.416.531.225)	(788.724.711.232)
Tiền phân phối lợi nhuận	36	(199.458.764.474)	(526.347.958.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(960.115.895.311)	(1.297.841.065.421)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.904.328.669	205.581.287.517
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	574.185.054.656	693.840.268.449
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	581.089.383.325	899.421.555.966

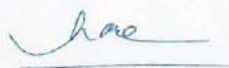
Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”) (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Cần Thơ, một số công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 theo Quyết định số 282/QĐ-UBQLV ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 2 theo quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2020.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2021, Tổng Công ty đã tổ chức thành công buổi đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng với 14 nhà đầu tư đã mua thành công 262.500 cổ phần tương đương 0,045% tổng cổ phần chào bán.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 166/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2021.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- hoạt động tư vấn quản lý;
- gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- cho thuê xe có động cơ;
- cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện: quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện;
- thi công xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng;
- khai thác, chế biến, kinh doanh nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện;
- sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt, trang bị bảo hộ lao động; và
- cho thuê văn phòng.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Kế toán tại công ty mẹ - Tổng Công ty và các đơn vị:

- Công ty Thủy điện Quảng Trị – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện Quảng Trị;
- Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện An Khê – Ka Nak;
- Công ty Thủy điện Sông Bung – đơn vị vận hành nhà máy thủy điện Sông Bung 4 và Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2;
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ – đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện Cần Thơ – Ô Môn;
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2 – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 2; Dự án Mở rộng lòng hồ Quảng Trị và Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 1; và
- Ban Quản lý Dự án Trung tâm Điện lực Ô Môn – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Ô Môn và Dự án Nhà máy Điện gió Công Hải 1;

Tổng Công ty có sáu công ty con, chi tiết trình bày tại Thuyết minh 15.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 848 nhân viên (1/1/2021: 852 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng cho chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt theo hướng dẫn của Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế sẽ không thay đổi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một số tiền là 7.018.410.700 VND); số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng sẽ không thay đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021.

(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần*

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2019) và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 (“Nghị định 126”) của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 140”) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126 và Công văn số 4022/BTC-TCDN ngày 19 tháng 4 năm 2021 (“Công văn 4022”) của Bộ Tài chính về hạch toán chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động ngay trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định. Hướng dẫn của Nghị định 126, Nghị định 140 và Công văn 4022 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì doanh thu hoạt động tài chính sẽ tăng 626.069.893.010 VND, chi phí tài chính sẽ giảm 613.290.809.304 VND và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng 1.239.360.702.314 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế sẽ không thay đổi); số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một số tiền là 626.069.893.010 VND (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một số tiền là 613.290.809.304 VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tổng Công ty cũng áp dụng phương pháp xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định 126. Theo hướng dẫn của Nghị định 126, số dư các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa. Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần được trích lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ tại ngày báo cáo.

Nếu Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một số tiền là 240.333.032.555 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế sẽ không thay đổi); số dư của các khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ tăng và giảm cùng một số tiền là 240.333.032.555 VND (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ không thay đổi).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	12 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	10 – 16 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	10 năm

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định (quyền sử dụng đất lâu dài) được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng là từ 10 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng tại Tổng Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Tổng Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo hướng dẫn của Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai và bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Tài sản thuê

(i) Tài sản thuê

Các tài thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án điện đi vào hoạt động thương mại.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hay báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.510.804.585	1.475.810.295
Tiền gửi ngân hàng	159.169.088.448	97.280.247.898
Các khoản tương đương tiền	420.409.490.292	475.428.996.463
	581.089.383.325	574.185.054.656

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1,5% đến 3,5% (1/1/2021: từ 3,3% đến 3,8%).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.050.573.854.778	1.096.779.774.162
Các khách hàng khác	396.580.544	289.385.915
	1.050.970.435.322	1.097.069.160.077

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.050.573.854.778	1.096.779.774.162
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	228.146.730	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	829.270	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	-	24.333.130
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	-	14.742.816
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 20 đến 25 ngày kể từ ngày có đầy đủ chứng từ thanh toán.

9. Các khoản đầu tư ngắn hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại ngày báo cáo	2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 5,3% (1/1/2021: từ 3,5% đến 5,3%).

(b) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi từ các công ty con:</i>		
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (i)	75.500.000.000	75.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (ii)	48.166.866.953	48.166.866.953
	<hr/>	<hr/>
	123.666.866.953	123.666.866.953
	<hr/>	<hr/>



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản phải thu từ cho vay này được gia hạn đến ngày 9 tháng 12 năm 2021 và hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của bốn ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng với biên độ 0,5%/năm.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ và hưởng lãi suất năm bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) cộng lãi suất biên 1%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cổ tức được chia	895.733.670.300	-
Phải thu Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	79.758.315.168
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.834.712.322	5.445.698.630
Phải thu về cổ phần hóa	5.983.744.743	6.092.682.258
Lợi nhuận phân phối phải thu từ Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	6.766.239.620
Phải thu Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	64.256.978
Phải thu khác	17.462.223.829	21.482.820.885
	946.014.351.194	119.610.013.539

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	79.758.315.168
Công ty con		
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	415.979.740.000	119.904.991
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	382.177.212.076	69.966.873
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	52.884.048.920	68.674.938
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	44.700.045.000	99.797.154
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Trung	6.210.930	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	6.830.496.598
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	96.585.339
Công ty Điện lực Gia Lai	-	1.217.164

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	1.119.516.956.861	1.109.965.532.915
Công cụ và dụng cụ	5.403.013.341	5.828.173.292
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	439.349.156	-
	<u>1.125.359.319.358</u>	<u>1.115.793.706.207</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất và hư hỏng cần trích lập dự phòng.

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Phụ tùng thay thế	309.446.211.629	309.720.656.183

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	14.990.420.113.386	16.003.599.802.710	344.538.489.718	509.579.338.735	33.453.000	31.848.171.197.549
Tăng trong kỳ	-	2.385.977.638	712.063.636	-	-	3.098.041.274
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.083.960.755	-	-	-	10.083.960.755
Bàn giao tài sản cho Công đoàn Tổng Công ty (i)	(10.249.311.050)	-	-	(127.600.000)	-	(10.376.911.050)
Điều chỉnh theo giá trị quyết toán Thanh lý	-	(57.963.938)	-	-	-	(57.963.938)
	-	-	(605.304.600)	-	-	(605.304.600)
Số dư cuối kỳ	14.980.170.802.336	16.016.011.777.165	344.645.248.754	509.451.738.735	33.453.000	31.850.313.019.990
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.142.979.899.020	8.891.286.566.455	160.100.434.672	356.053.605.632	33.453.000	15.550.453.958.779
Khấu hao trong kỳ	417.931.097.986	499.752.627.588	7.098.474.376	16.961.837.256	-	941.744.037.206
Bàn giao tài sản cho Công đoàn Tổng Công ty (i)	(6.723.110.332)	-	-	(71.101.566)	-	(6.794.211.898)
Thanh lý	-	-	(605.304.600)	-	-	(605.304.600)
Số dư cuối kỳ	6.554.187.886.674	9.391.039.194.043	166.593.604.448	372.944.341.322	33.453.000	16.484.798.479.487
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	8.847.440.214.366	7.112.313.236.255	184.438.055.046	153.525.733.103	-	16.297.717.238.770
Số dư cuối kỳ	8.425.982.915.662	6.624.972.583.122	178.051.644.306	136.507.397.413	-	15.365.514.540.503

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo hướng dẫn của Nghị định 126, đối với các công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 2.935 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 1.809 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.593 tỷ VND (1/1/2021: 14.340 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định tạm tăng chờ quyết toán đang được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng có nguyên giá tạm tính là 4.577 tỷ VND (1/1/2021: 4.577 tỷ VND). Giá trị của các tài sản này có thể thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	129.848.431.061	1.817.414.226	131.665.845.287
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.178.914.992	1.129.467.390	5.308.382.382
Khấu hao trong kỳ	222.666.906	282.475.296	505.142.202
Số dư cuối kỳ	4.401.581.898	1.411.942.686	5.813.524.584
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	125.669.516.069	687.946.836	126.357.462.905
Số dư cuối kỳ	125.446.849.163	405.471.540	125.852.320.703

Một số quyền sử dụng đất của Tổng Công ty có giá trị ghi sổ/giá gốc 107.671 triệu VND là quyền sử dụng đất lâu dài và do đó không trích khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 142 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 142 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	249.117.715.179	202.987.253.698
Xây dựng cơ bản dở dang	49.039.990.558	76.320.987.956
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.083.960.755)	(53.547.784.719)
Số dư cuối kỳ	288.073.744.982	225.760.456.935

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Dự án Mở rộng lòng hồ thủy điện Quảng Trị (i)	169.512.248.834	137.770.137.529
Công trình Điện gió Công Hải 1	63.080.079.892	59.901.991.932
Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 (i)	27.817.867.392	26.534.421.536
Dự án Hướng Phùng 1	27.587.655.946	24.558.720.546
Khác	75.892.918	352.443.636
	288.073.744.982	249.117.715.179

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.878.081.668 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 91.237.247 VND).

- (i) Tài sản hình thành từ các dự án này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư vào các công ty con

	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2021	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty con:							
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	255.000.000	51,00%	51,00%	2.550.000.000.000	-	4.564.500.000.000	
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (ii)	166.391.896	51,90%	51,90%	1.663.918.960.000	-	4.151.477.805.200	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	76.740.931	61,78%	61,78%	767.409.317.000	-	3.399.623.243.300	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (iii)	65.630.261	87,45%	87,45%	634.650.110.000	-	1.772.017.047.000	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	36.341.500	51,92%	51,92%	363.415.000.000	-	1.490.001.500.000	
▪ Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (iv)	Không áp dụng	100,00%	100,00%	930.674.722.436	-	Không có	
					6.910.068.109.436	-	

	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2021	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty con:							
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	255.000.000	51,00%	51,00%	2.550.000.000.000	-	4.845.000.000.000	
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (ii)	166.391.896	51,90%	51,90%	1.663.918.960.000	-	4.068.281.857.200	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	76.740.931	61,78%	61,78%	767.409.317.000	-	2.225.486.999.000	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (iii)	65.630.261	87,45%	87,45%	634.650.110.000	-	1.903.277.569.000	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	36.341.500	51,92%	51,92%	363.415.000.000	-	1.529.977.150.000	
▪ Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Không áp dụng	100,00%	100,00%	930.674.722.436	-	Không có	
					6.910.068.109.436	-	

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Tỷ lệ quyền biểu quyết phản ánh tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp chưa bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản đầu tư có mệnh giá 1.664 tỷ VND (1/1/2021: 1.664 tỷ VND) được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015 (Thuyết minh 20(b)).
- (iii) Số lượng cổ phiếu này đã bao gồm 2.165.250 cổ phiếu được chia từ cổ tức năm 2011 và nhận trong năm 2012.
- (iv) Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định 126 nên không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng	28.468.222.172	28.468.222.172
Tổng công ty Xây Dựng Thủy lợi 4	20.285.834.000	18.551.094.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	20.147.694.527	21.471.300.071
Các nhà cung cấp khác	97.623.622.445	168.181.920.435
	166.525.373.144	236.672.536.678

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.045.821.870	-
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	550.667.451	1.247.127.539
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	20.147.694.527	21.471.300.071
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	5.143.527.616	-
Công ty Điện lực Cần Thơ	1.652.559.953	1.622.874.635
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.236.128.501	349.663.673
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	400.661.131	400.661.131
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Điện lực Việt Nam	378.406.804	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	341.934.800	474.272.500
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	216.829.105	124.777.116
Công ty Cổ Phần Vật tư Vận tải Xây lắp Điện lực Miền Trung	46.181.388	-
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	-	193.152.807
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Nam	-	166.511.884
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	-	68.703.526
Công ty Điện lực Quảng Trị	-	22.510.821

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

C.T.C.P.
T.H.O.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	39.105.762.088	211.883.356.518	(47.714.778.632)	(173.726.555.234)	29.547.784.740
Thuế thu nhập cá nhân	1.918.058.795	8.709.714.977	-	(10.415.912.493)	211.861.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.199.331	33.801.140	(12.889.065)	(36.199.331)	20.912.075
Thuế tài nguyên	21.989.677.734	72.914.971.691	-	(84.043.693.346)	10.860.956.079
Các loại thuế khác	-	4.673.404.084	-	(4.608.500.757)	64.903.327
Các khoản phải nộp khác					
Phí dịch vụ môi trường rừng	31.536.448.668	28.127.975.976	-	(47.370.761.244)	12.293.663.400
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.633.145.250	12.213.374.000	-	(13.846.519.250)	-
	96.219.291.866	338.556.598.386	(47.727.667.697)	(334.048.141.655)	53.000.080.900

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số cán trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.889.065	(12.889.065)	-
Các loại thuế khác	3.875.691.266	-	3.875.691.266
	3.888.580.331	(12.889.065)	3.875.691.266

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	77.108.600.802	93.799.217.491
Chi phí xây dựng công trình chưa có hóa đơn	16.944.161.258	22.585.655.258
Chi phí khác	2.007.022.858	4.175.877.232
	<hr/>	<hr/>
	96.059.784.918	120.560.749.981

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lợi nhuận phân phối phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.546.964.083.752	330.347.925.591
Nợ gốc vay, chi phí lãi vay và phí vay lại phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	83.198.006.380	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	41.414.015.820	41.790.049.449
Phải trả về cổ phần hóa	6.431.660.000	3.187.464.000
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến quỹ khen thưởng	326.470.595	541.235.526
Phải trả khác	16.147.875.350	20.241.282.479
	<hr/>	<hr/>
	1.694.482.111.897	396.107.957.045

Khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.630.488.560.727	330.889.161.117

Các khoản phi thương mại phải trả cho công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

300
 ỨNG
 HÁ
 TH

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện VND	30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	1.836.104.282.469	751.748.417.423	(817.017.458.638)	(33.828.908.964)	(30.364.817.398)	1.706.641.514.892

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Vay dài hạn	14.023.094.686.898	15.474.787.455.556
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.706.641.514.892)	(1.836.104.282.469)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	12.316.453.172.006	13.638.683.173.087

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay có bảo đảm (i)					
<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>					
▪ Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2033	LIBOR 6M + 0,2%	3.857.105.258.758	3.912.739.036.284
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui	USD	2024	LIBOR 6M + 1,3%	616.517.920.000	722.230.257.500
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui	JPY	2024	LIBOR 6M + 1,2%	623.389.166.400	779.031.884.400
▪ Ngân hàng Thế Giới	USD	2045	4,77%	644.723.037.996	655.124.482.628
▪ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	2,25% - 2,55%	160.207.383.798	183.863.076.083
<i>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</i>					
▪ Vay vốn ODA từ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2032 - 2038	0,95% - 2%	1.565.797.356.478	1.733.887.887.182
▪ Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	USD	2037	4,8%	167.027.970.784	172.561.803.234
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (ii)	VND	2032	8,33% - 8,55%	77.788.784.708	56.193.365.413
▪ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iii)	VND	2021	7,05% - 7,49%	-	51.871.443.401
<i>Vay từ công ty con</i>					
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (iv)	VND	2022	5,32% - 5,35%	188.166.866.953	188.166.866.953
Khoản vay không có bảo đảm					
<i>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</i>					
▪ Vay vốn ODA từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2023 - 2033	0,95% - 2,0%	6.122.370.941.023	7.019.117.352.478
				14.023.094.686.898	15.474.787.455.556

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các khoản vay từ các tổ chức tín dụng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 13.593 tỷ VND (1/1/2021: 14.340 tỷ VND) (Thuyết minh 12) và tài sản hình thành từ Dự án Mở rộng lòng hồ thủy điện Quảng Trị và Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này chịu lãi suất là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam + biên độ 2,75%/năm.
- (iii) Khoản vay này chịu lãi suất là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau tiết kiệm của 5 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 1,35%/năm.
- (iv) Số dư phản ánh khoản vay theo Hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015 và được đảm bảo bằng số cổ phần của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Tổng Công ty (Thuyết minh 15(i)). Khoản vay này chịu lãi suất là bình quân huy động 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam + biên độ 0,5%/năm.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	87.299.686.508	102.593.507.530
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	32.917.209.522	-
Bàn giao tài sản cho Công đoàn Tổng Công ty (Thuyết minh 12)	(3.582.699.152)	-
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(326.470.595)	-
Sử dụng trong kỳ	(28.207.549.876)	(36.965.952.259)
Số dư cuối kỳ	88.100.176.407	65.627.555.271



**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Thuyết minh	Vốn góp VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.862.448.440.526	(661.249.997.386)	135.389.945.155	-	4.425.981.517	11.341.014.369.812
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện	-	(8.279)	-	-	-	(8.279)
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	7.018.418.979	-	-	-	7.018.418.979
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	250.979.884.868	-	250.979.884.868
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	11.862.448.440.526	(654.231.586.686)	135.389.945.155	250.979.884.868	4.425.981.517	11.599.012.665.380
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	40.940.777.382	-	-	-	40.940.777.382
Tăng vốn đầu tư tại Công ty Trung Sơn	-	-	5.416.735.766	-	-	5.416.735.766
Điều chuyển các quỹ	3.995.235.749	-	430.745.768	-	(4.425.981.517)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	164.994.494.186	(164.994.494.186)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	299.001.762.419	-	299.001.762.419
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(330.347.925.591)	-	(330.347.925.591)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(54.639.227.510)	-	(54.639.227.510)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	11.866.443.676.275	(613.290.809.304)	306.231.920.875	-	-	11.559.384.787.846



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là "Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên")
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thuyết minh	Vốn góp VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.866.443.676.275	(613.290.809.304)	306.231.920.875	-	11.559.384.787.846
Phân bổ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	613.290.809.304	-	-	613.290.809.304
Chênh lệch tỷ giá phát sinh tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	626.069.893.010	-	-	626.069.893.010
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	620.996.628.067	(620.996.628.067)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.069.988.760.224	2.069.988.760.224
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.416.074.922.635)	(1.416.074.922.635)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(32.917.209.522)	(32.917.209.522)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.866.443.676.275	626.069.893.010	927.228.548.942	-	13.419.742.118.227

151 11 00 100

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2021			1/1/2021		
	Được duyệt VND	Đã góp VND	%	Được duyệt VND	Đã góp VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.844.000.000.000	12.793.672.225.217	108%	11.844.000.000.000	12.172.675.597.150	103%

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

Theo Công văn số 818/EVN-TCKT ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Biến động vốn điều lệ trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	12.172.675.597.150	12.002.264.367.198
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	620.996.628.067	-
Số dư cuối kỳ	12.793.672.225.217	12.002.264.367.198

24. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Số dư này bao gồm:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (“chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản”) (Thuyết minh 3(a)(ii));
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (“chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp”) (Thuyết minh 3(a)(iii)); và
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (“chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần”) (Thuyết minh 3(a)(iii)).

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ như sau:

	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VND	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(613.290.809.304)	-	(613.290.809.304)
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	626.069.893.010	626.069.893.010
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	613.290.809.304	-	613.290.809.304
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	626.069.893.010	626.069.893.010
	Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản VND	Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	(47.959.188.082)	(613.290.809.304)	(661.249.997.386)
Phát sinh trong kỳ	(8.279)	-	(8.279)
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	7.018.418.979	-	7.018.418.979
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	(40.940.777.382)	(613.290.809.304)	(654.231.586.686)

12
12

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

(a) Tài sản thuê ngoài

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 13 đến 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.652.533.172	6.602.293.990
Trong vòng hai đến năm năm	23.378.229.370	29.814.161.418
Sau năm năm	96.169.945.558	129.403.893.860
	<hr/>	<hr/>
	128.200.708.100	165.820.349.268
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9	212.798	9	211.737
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.302.362.512.708	1.356.436.151.133
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	59.020.333.539	70.505.657.019
	<hr/>	<hr/>
	1.361.382.846.247	1.426.941.808.152
	<hr/>	<hr/>



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	1.678.917.674.389	2.467.607.722.905
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.224.838.538	4.722.480.063
	<hr/>	<hr/>
	1.681.142.512.927	2.472.330.202.968

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	1.202.107.028.755	2.604.890.591.469
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	976.466.024	3.717.111.341
	<hr/>	<hr/>
	1.203.083.494.779	2.608.607.702.810



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	44.541.660.994	19.288.493.585
Thu nhập lãi cho vay	3.438.175.042	6.703.547.796
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	2.415.646.259.224	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán các hợp đồng vay lại EVN	9.568.066.767	596.445.800
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20.843.518.429	11.825.338.483
	2.494.037.680.456	38.413.825.664

- (i) Cổ tức, lợi nhuận được chia được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính theo hướng dẫn tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 140”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH Một thành viên do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều lệ của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Theo đó, cổ tức, lợi nhuận được chia được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính kể từ ngày có hiệu lực của Nghị định 140 là ngày 30 tháng 11 năm 2020.

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	115.294.392.716	174.347.831.344
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (Thuyết minh 24)	613.290.809.304	-
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện (Thuyết minh 24)	-	7.018.418.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán các hợp đồng vay lại EVN	-	1.530.643.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán từ hoạt động sản xuất kinh doanh	43.586.737	7.943.639
	728.628.788.757	182.904.837.308

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
 (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	128.677.203.597	32.843.210.948
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.581.190.848	6.697.181.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.845.068.097	6.905.046.975
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.728.200.054)	-
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.831.699.221	7.145.993.217
Chi phí vật tư quản lý	2.020.277.221	2.069.377.825
Chi phí khác	22.230.476.954	17.149.334.796
	168.457.715.884	72.810.145.032

31. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	31.174.840	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	-	605.404.872.500
Thu nhập khác	3.404.546.088	2.454.989.988
	3.435.720.928	607.859.862.488

- (i) Trước ngày 30 tháng 11 năm 2020, cổ tức, lợi nhuận được chia được hạch toán vào thu nhập khác theo hướng dẫn tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Công văn số 1931/BTC-TCDN ngày 19 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn vướng mắc thực hiện cơ cấu tài chính tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	12.154.388.973	1.536.680.772.412
Chi phí nhân công và nhân viên	245.291.523.611	76.492.957.323
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.728.200.054)	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	940.498.618.382	936.150.877.951
Thuê tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	113.256.321.667	58.170.650.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.128.207.494	28.579.739.132
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.346.185.994	6.695.134.427
Chi phí khác	35.594.164.596	38.647.716.585

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	33.801.140	42.305.739
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(4.305.726)
	33.801.140	38.000.013
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	-	-
	33.801.140	38.000.013

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.070.022.561.364	251.017.884.881
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	414.004.512.273	50.203.576.976
Chi phí không được khấu trừ thuế	918.564.132	73.897.999
Thu nhập không bị tính thuế (i)	(483.129.251.845)	(121.080.974.500)
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	68.239.976.580	70.845.805.264
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(4.305.726)
	33.801.140	38.000.013

(i) Khoản mục này bao gồm khoản thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	1.496.037.449.429	299.207.489.886	1.154.837.566.530	230.967.513.306

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	848.274.021.384
2023	Chưa quyết toán	73.029.868.050
2024	Chưa quyết toán	49.813.667.560
2025	Chưa quyết toán	183.720.009.536
2026	Chưa quyết toán	341.199.882.899
		1.496.037.449.429

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Tổng Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	159.169.088.448	97.280.247.898
Các khoản tương đương tiền	(i)	420.409.490.292	475.428.996.463
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(i)	2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	1.050.970.435.322	1.097.069.160.077
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	123.666.866.953	123.666.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	946.014.351.194	119.610.013.539
Phải thu dài hạn khác	(ii)	27.140.000.000	27.130.000.000
		5.567.370.232.209	3.045.185.284.930

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Các khoản phải thu của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Tổng Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu là tương đối nhỏ.

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.728.200.054	7.793.011.812
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (*)	(7.728.200.054)	-
Số dư cuối kỳ	-	7.793.011.812

- (*) Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 7 năm 2021) theo hướng dẫn tại Nghị định 126 nên đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và bên liên quan.

**Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	166.525.373.144	166.525.373.144	166.525.373.144	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	96.059.784.918	96.059.784.918	96.059.784.918	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.653.068.096.077	1.653.068.096.077	1.653.068.096.077	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	295.949.981	295.949.981	295.949.981	-	-	-
Vay dài hạn	14.023.094.686.898	15.458.021.267.525	1.939.428.781.460	1.741.401.979.588	4.395.357.628.196	7.381.832.878.281
	15.939.043.891.018	17.373.970.471.645	3.855.377.985.580	1.741.401.979.588	4.395.357.628.196	7.381.832.878.281
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	236.672.536.678	236.672.536.678	236.672.536.678	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	120.560.749.981	120.560.749.981	120.560.749.981	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	354.317.907.596	354.317.907.596	354.317.907.596	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	362.565.000	362.565.000	362.565.000	-	-	-
Vay dài hạn	15.474.787.455.556	17.403.456.860.973	2.124.633.012.122	1.873.047.205.187	4.944.834.882.150	8.460.941.761.514
	16.186.701.214.811	18.115.370.620.228	2.836.546.771.377	1.873.047.205.187	4.944.834.882.150	8.460.941.761.514

11/12/2021

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch gửi tiền, mua dịch vụ và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty, là Đồng Việt Nam (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Yên Nhật (“JPY”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2021	
	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	9	-
Vay dài hạn	(228.606.150)	(39.863.376.848)
	<u>(228.606.141)</u>	<u>(39.863.376.848)</u>
	1/1/2021	
	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	9	-
Vay dài hạn	(235.307.154)	(42.680.988.403)
	<u>(235.307.145)</u>	<u>(42.680.988.403)</u>

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2021	1/1/2021
USD/VND	23.120	23.215
JPY/VND	213	228

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận sau thuế TNDN Tăng/(giảm) VND
30/6/2021	
USD (yếu đi 0,4%)	16.913.196.736
JPY (yếu đi 7%)	475.490.359.043
1/1/2021	
USD (yếu đi 0,1%)	4.370.124.297
JPY (mạnh lên 6%)	(467.100.737.082)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty.



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	420.409.490.292	475.428.996.463
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
▪ Vay dài hạn	(7.848.375.681.299)	(8.936.868.315.743)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	159.169.088.448	97.280.247.898
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	123.666.866.953	123.666.866.953
▪ Vay dài hạn	(6.174.719.005.599)	(6.537.919.139.813)
	<hr/>	<hr/>
	(5.891.883.050.198)	(6.316.972.024.962)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 47 tỷ VND lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 48 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	2.840.000.000.000	1.105.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (*)	579.578.578.740	572.709.244.361
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)	1.050.970.435.322	1.097.069.160.077
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	123.666.866.953	123.666.866.953
▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)	946.014.351.194	111.881.813.485
▪ Phải thu dài hạn khác (*)	27.140.000.000	27.130.000.000
	5.567.370.232.209	3.037.457.084.876
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)	(166.525.373.144)	(236.672.536.678)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	(96.059.784.918)	(120.560.749.981)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(1.653.068.096.077)	(354.317.907.596)
▪ Phải trả dài hạn khác (*)	(295.949.981)	(362.565.000)
▪ Vay dài hạn (*)	(14.023.094.686.898)	(15.474.787.455.556)
	(15.939.043.891.018)	(16.186.701.214.811)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2020
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Phân phối lợi nhuận	1.416.074.922.635	-
Chi phí lãi vay và phí vay	39.007.019.436	86.637.571.353
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.859.838.065	930.665.981
Trả nợ gốc vay	264.696.684.094	279.700.470.873
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Cổ tức được chia	922.476.671.424	166.391.896.000
Chi phí lãi vay	5.047.158.057	6.587.669.744
Trả nợ gốc vay	-	188.166.866.953
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	178.514.309.920	65.630.261.000
Thu nhập lãi cho vay	2.025.119.722	2.643.234.028
Mua hàng hóa, dịch vụ	174.663.810	439.203.786
Cung cấp dịch vụ	1.016.064.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	497.281.232.880	38.370.465.500
Thu nhập lãi cho vay	1.413.055.320	4.060.313.768
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ		
Cổ tức được chia	262.749.045.000	54.512.250.000

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	554.625.000.000	280.500.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	1.677.839.478.967	2.467.607.722.905
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Mua điện	9.210.485.946	13.868.536.364
Chi phí khác – Các khoản chi phí khác	231.010.068	498.591.508
Cung cấp dịch vụ	121.358.918	18.859.180
Xây dựng cơ bản	24.725.454	4.370.205
Mua hàng hóa, dịch vụ	113.289.091	4.000.000
Bán điện	748.610.640	-
Tổng Công ty Phát điện 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.325.805.165
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	870.940.000	4.098.815.637
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	130.851.818
Tổng Công ty Phát điện 3		
Mua hàng hóa, dịch vụ	39.600.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.030.489.684	2.763.518.511
Bán điện	329.584.782	-
Xây dựng cơ bản	8.537.945	11.685.026
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua hàng hóa, dịch vụ	264.213.779	129.483.440
Xây dựng cơ bản	6.883.983	204.471.087
Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia		
Bán hàng hóa, dịch vụ	27.214.579	49.690.911



Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<i>Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các viên chức quản lý</i>		
Tiền lương và thưởng	3.215.627.921	1.572.493.864

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa thanh toán	134.016.386.206	-
Chuyển khoản nợ gốc vay phải trả thành khoản phải trả khác	34.600.927.413	-
Chuyển khoản chi phí lãi vay phải trả thành khoản phải trả khác	48.597.078.967	-

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800590430 ngày 1 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc chuyển đổi từ loại hình doanh nghiệp của Tổng Công ty từ một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Theo đó, tên của Tổng Công ty cũng được thay đổi từ “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên” sang “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần”.

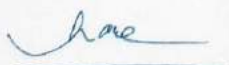
Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
(trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên”)
Phụ lục báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
1. Nhiên liệu	-	1.527.159.689.780
2. Vật liệu	11.743.916.570	19.405.804.185
3. Lương và bảo hiểm xã hội	245.152.896.436	74.705.459.023
Lương CNV	233.808.765.000	64.999.058.282
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	11.344.131.436	9.706.400.741
4. Khấu hao TSCĐ	939.766.258.024	932.618.851.259
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	27.128.207.494	28.314.293.122
Điện dùng nội bộ	1.837.158.785	2.355.684.190
Điện mua của Tập đoàn	10.276.629.296	15.495.614.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.014.419.413	10.462.994.387
6. Chi phí sửa chữa lớn	5.346.185.994	6.695.134.427
Sửa chữa lớn thuê ngoài	2.858.493.475	1.430.949.074
Sửa chữa lớn tự làm	2.487.692.519	5.264.185.353
7. Chi phí bằng tiền khác	141.427.280.121	88.801.119.105
Thuế tài nguyên	72.914.971.691	33.453.489.528
Phí môi trường rừng	28.127.975.976	10.854.299.484
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	12.213.374.000	13.862.861.000
Thuế đất	3.991.729.004	6.393.338.714
Ăn ca	3.378.201.000	2.984.787.500
Trợ cấp mất việc làm	-	340.265.039
Dự phòng nợ khó đòi	(7.728.200.054)	-
Chi phí bằng tiền khác	28.529.228.504	20.912.077.840
Cộng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7)	1.370.564.744.639	2.677.700.350.901
Chi phí lãi vay	115.294.392.716	174.347.831.344
Chênh lệch tỷ giá	582.922.810.845	(3.864.778.319)
Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	(31.174.840)	(19.987.127)
Tổng	2.068.750.773.360	2.848.163.416.799
Sản lượng điện tính giá thành	781.493.075	843.755.987
Giá thành đơn vị (VND)	2.647	3.376

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Kim Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Trung Thành
Phó trưởng ban Tài chính Kế toán



Trương Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

